

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Lại Giang,
xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Lại Giang, xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 07/5/2020;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Lại Giang, xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 20/CV-KT ngày 18/5/2020 của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 423/TTr-STNMT ngày 26/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông Lại Giang, xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND xã Hoài Xuân theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.
3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động Dự án gây ra.
4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu Dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT;
- UBND huyện Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục:
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI SÔNG LẠI GIANG, XÃ HOÀI XUÂN, HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Lại Giang, xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Cụm công nghiệp Hoài Thanh Tây, xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3863258.

1.4. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 2,0 ha.

- Tuổi thọ mỏ: 03 năm. Trước mắt, thời hạn khai thác đến ngày 23/12/2020 (theo Văn bản số 2487/UBND-KT ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh).

- Thời gian làm việc trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Công suất khai thác: 8.896m³ cát địa chất/năm (tương đương với 10.000 m³ cát nguyên khai/năm); chiều sâu khai thác được xác định tính từ mặt địa hình xuống sâu 2m.

1.5. Phương pháp khai thác: bắt đầu mở vỉa khai thác từ phía Tây Nam dự án, khai thác theo lớp bằng. Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song, khai thác theo dải, từ thượng lưu về hạ lưu. Công ty sử dụng 01 máy đào để khai thác cát và đưa lên ô tô 7 tấn để vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

1.6. Hạng mục, công trình của dự án

- Xây dựng lán trại tạm; bãi tập kết cát (có lắp đặt trạm cân, camera để giám sát theo quy định).

- Tuyến đường tạm ngoài mỏ nối từ đoạn bờ kè thôn Vĩnh Phụng 2 đến ranh giới mỏ có chiều dài khoảng 93m (với khoảng 48m là dòng chảy hiện trạng của sông Lại Giang): Công ty sử dụng các rọ đá (kích thước 0,8m x 1m x 2m) kết hợp đá dăm để làm tuyến đường tạm rộng 7m, cao 2,3m. Tại đoạn vượt dòng (48m), phía dưới lớp rọ đá sẽ lắp 12 làn công bê tông cốt thép để đảm bảo cho việc lưu thông dòng chảy và thoát lũ tiểu mãn.

- Tuyến đường tạm trong mỏ: có tổng chiều dài 245m, chiều dày lớp cát đắp là 1,0m, rộng 5m.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác cát

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: bụi, ồn phát sinh trong quá trình vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; sự cố sạt lở bờ trong quá trình khai thác.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải:

Nước thải sinh hoạt: khoảng $0,56 \text{ m}^3/\text{ngày}/7$ công nhân, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng $2 \div 4 \text{ kg/ngày}$, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án:

- + Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 10kg/năm.
- + Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 01 kg/năm.
- + Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác (Mã CTNH: 17 02 04) được thay ở gara nên không phát sinh tại dự án.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

Bố trí nhà vệ sinh di động, dung tích ngăn chứa chất thải là 400 lít; khi bể đầy, Công ty thuê đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.2. Về xử lý bụi

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Phun nước trên tuyến đường vận chuyển sản phẩm tại những đoạn đi qua khu dân cư với tần suất 2 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

Trang bị 01 thùng đựng rác sinh hoạt 660 lít đặt tại khu vực dự án và hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương, tiến hành thu gom rác thải định kỳ và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng có dán nhãn theo quy định (đặt tại một góc của khu vực lán trại tạm) để lưu chứa chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường (CTPHMT)

a. Thực hiện CTPHMT sau khi kết thúc khai thác với nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác			
1.	San gạt tạo mặt bằng khu vực khai thác	1.366 m ³	Kết thúc khai thác, đáy khai trường ít lồi lõm, tương đối bằng phẳng	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác mỗi năm
2.	Tháo dỡ tuyến đường tạm trong mỏ	960 m ³	Nhằm tránh gây ảnh hưởng đến dòng chảy và xói lở bờ tại vị trí xây dựng đường giao thông	Triển khai và hoàn thành trước ngày 31/8 hàng năm
3.	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực dự án	4 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Hoàn thành trước khi tiến hành khai thác
4.	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT (gồm đo vẽ mặt cắt ngang sông)	Thượng lưu, hạ lưu và khu vực mỏ	Giám sát chiều sâu khu vực khai thác và đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác mỗi năm
II	Khu vực ngoài khai thác			
1.	Tháo dỡ tuyến đường tạm ngoài mỏ (tháo dỡ cống và vận chuyển đất đi đổ thải)	93 m	Nhằm tránh gây cản trở dòng chảy vào mùa mưa	Triển khai và hoàn thành trước ngày 31/8 hàng năm
2.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh	50 m ²	Trả lại mặt bằng hiện trạng cho địa phương	Triển khai và hoàn thành sau 5 ngày kể từ thời điểm kết thúc dự án
3.	Vệ sinh mặt đường tuyến đường liên xã	500 m	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên

b. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **126.569.000 đồng**
(Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 01 lần với tổng số tiền là 126.569.000 đồng.

- Thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn tuyến kè và thoát lũ trên sông (theo Văn bản số 708/SNN-TL ngày 06/4/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT): khai thác đúng độ sâu cho phép, cao trình kết thúc khai thác là +0,5m (không thấp hơn cao trình đỉnh chân kè phía bờ tả +0,3m); đường vận tải ngoài mỏ được phải được thiết kế đảm bảo để thoát lũ tiểu mãn và được tháo dỡ trước ngày 31/8 hàng năm.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Thực hiện giám sát sự cố sạt lở 2 bên bờ; đo đạc, giám sát chiều sâu khu vực khai thác để có phương pháp điều chỉnh độ sâu khai thác phù hợp.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Nhà vệ sinh di động.
- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Thùng chuyên dụng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát chất lượng nước mặt tại hạ lưu khu vực khai thác với các thông số: pH, TSS, DO, Tổng dầu mỡ, BOD₅, COD, Coliform; so sánh với cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: 01 điểm trên tuyến đường liên xã đi qua khu vực dân cư; thông số giám sát: bụi lơ lửng (TSP), so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.4. Hàng năm trước 31/12 thực hiện đo đạc, giám sát độ sâu khu vực khai thác báo cáo báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

5.5. Giám sát sự cố sạt lở 02 bên bờ, định kỳ 06 tháng/lần, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hoài Nhơn, UBND xã Hoài Xuân.